

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 07/11/2017

“V/v Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**
- **Thẩm phán chủ tọa phiên toà:** Ông: Đặng Minh Trung.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông: Nguyễn Việt Thắng
 2. Ông: Trịnh Văn Điệp
- **Thư ký phiên toà:** Ông Huỳnh Hoàng Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời

Ngày 07 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 423/2017/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2017 về việc “Ly hôn, nuôi con” giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1980 (có mặt)
Trú tại: Khóm 1, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- **Bị đơn:** Ông Lê Văn N, sinh năm 1976 (vắng mặt)
Trú tại: Khóm 1, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Văn N sống chung từ năm 1998, hôn nhân do bà tự nguyện lựa chọn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau vào ngày 07 tháng 11 năm 2003. Bà và ông N đã ly thân từ tháng 11 năm 2016 đến nay.

Lý do bà yêu cầu ly hôn: Ông N nghiện rượu, không quan tâm lo lắng cho vợ con. Nay, bà yêu cầu ly hôn ông Lê Văn N.

Về con chung: Bà và ông N có 1 người con chung: Lê Văn T, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2001. Bà yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Ông Lê Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất với bà Lê Thị H về thời gian sống chung, thời gian kết hôn, lý do ly hôn. Ông yêu cầu đoàn tụ.

Về con chung: Ông và bà H có 1 người con: Lê Văn T, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2001. Ông đồng ý giao con cho bà H nuôi.

Về tài sản chung: Ông yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Văn N đã được triệu tập xét xử hợp lệ vào các ngày 20 tháng 10 năm 2017 và ngày 07 tháng 11 năm 2017 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt ông Nguyễn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông Lê Văn N và bà Lê Thị H sống chung với nhau từ năm 1998, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 07 tháng 11 năm 2003 nên được công nhận là vợ chồng. Bà H yêu cầu ly hôn ông N với lý do: Ông N không quan tâm lo lắng cho bà và con. Hội đồng xét xử xét thấy, ông N và bà H đã phát sinh mâu thuẫn nhưng các bên không có biện pháp nào hàn gắn quan hệ hôn nhân, cũng không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân thêm trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận cho bà Lê Thị H ly hôn ông Lê Văn N.

[4] Về con chung: Bà H và ông N có 1 người con: Lê Văn T, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2001. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu T trên 07 tuổi và dưới 18 tuổi nên cần xem xét đến nguyện vọng của cháu T theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Cháu T có nguyện vọng được mẹ là bà Lê Thị H nuôi; cháu T đang được bà H nuôi nên tiếp tục giao cho bà H nuôi dạy là phù hợp. Bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông N yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình. Ông N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: + Các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
+ Các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị H ly hôn ông Lê Văn N.

2/ Về con chung: Giao cháu: Lê Văn T, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2001 cho bà Lê Thị H nuôi (Bà H đang nuôi cháu Lê Văn T). Ông Lê Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân; bà H có nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai thu số 0007181, ngày 17 tháng 7 năm 2017, được chuyển thu đối trừ. Ông N không phải chịu án phí.

Bà H được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

+Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Cà Mau.
- VKS ND huyện TVT
- Dương sự
- Lưu hồ sơ.

Đặng Minh Trung